

## BỘ TÀI CHÍNH

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2006/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2006*

### THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 07/2006/NĐ-CP  
ngày 10/01/2006 của Chính phủ về chế độ tài chính  
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

Căn cứ Nghị định số 07/2006/NĐ-CP ngày 10/01/2006 của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Nhà nước Trung ương; các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các văn phòng đại diện ở trong nước và ngoài nước; các đơn vị sự nghiệp thuộc Ngân hàng Nhà nước không hưởng kinh phí ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

Học viện Ngân hàng, trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh và các doanh nghiệp trực thuộc Ngân hàng Nhà nước thực hiện chế độ quản lý tài chính theo các quy định chung của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp nhà nước, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước được sử dụng các nguồn thu để trang trải chi phí hoạt động của mình. Chênh lệch thu, chi sau khi trích lập quỹ theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nghị định số 07/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 01

năm 2006 của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định cụ thể tại Thông tư này, số còn lại nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước không phải nộp các loại thuế đối với các hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ Ngân hàng.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc lập kế hoạch thu, chi tài chính và thực hiện các quy định về quản lý tài chính tại Nghị định số 07/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và những hướng dẫn cụ thể trong Thông tư này.

5. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài chính, thực hiện quản lý tài chính đối với Ngân hàng Nhà nước, có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

## Chương II

### NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### I. QUẢN LÝ VỐN, QUỸ VÀ TÀI SẢN

1. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và an toàn vốn, quỹ, tài sản Nhà nước đã được giao quản lý, cụ thể:

1.1. Vốn pháp định: Mức vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước là 5.000 tỷ đồng (năm ngàn tỷ đồng) thuộc nguồn vốn Nhà nước.

Vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước được hình thành từ các nguồn:

- Các nguồn vốn hiện có đến thời điểm 31/12/2005: nguồn vốn ngân sách nhà nước đã cấp và vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định. Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Bộ Tài chính để xác định các nguồn vốn này.

- Nguồn vốn được bổ sung hàng năm:

+ Vốn ngân sách nhà nước cấp (nếu có).

+ Khoản trích từ chi phí bằng 12% trên giá trị tài sản cố định bình quân hàng năm cho chi đầu tư phát triển kỹ thuật nghiệp vụ và công nghệ ngân hàng.

+ Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của pháp luật.



+ Nguồn vốn khác (nếu có).

Ngân hàng Nhà nước được sử dụng vốn pháp định để đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định. Việc đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định của Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

1.2. Tiền phát hành vào lưu thông: Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích số tiền phát hành vào lưu thông đã được Chính phủ phê duyệt để thực hiện chính sách tiền tệ.

1.3. Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng, Kho bạc nhà nước.

1.4. Vốn đi vay của các tổ chức quốc tế, Chính phủ, tổ chức tín dụng nước ngoài.

1.5. Vốn khác như các khoản chênh lệch tỷ giá, chênh lệch giá do đánh giá lại ngoại tệ, vàng bạc và tài sản.

1.6. Ngân hàng Nhà nước quản lý chặt chẽ quỹ dự trữ ngoại hối Nhà nước theo quy định của pháp luật, sử dụng cho mục tiêu thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo khả năng thanh toán quốc tế. Định kỳ hàng quý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính tình hình sử dụng quỹ dự trữ ngoại hối Nhà nước.

1.7. Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia: Hàng năm Ngân hàng Nhà nước được trích 10% từ chênh lệch thu, chi để bổ sung Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

1.8. Dự phòng rủi ro: Khoản dự phòng rủi ro được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư này và sử dụng theo quy chế do Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành.

2. Ngân hàng Nhà nước không được góp vốn, mua cổ phần của các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp khác.

3. Ngân hàng Nhà nước thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản trong các trường hợp sau đây:

- Kiểm kê đánh giá lại giá trị tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Chuyển giao, nhượng bán tài sản cho các tổ chức ngoài Ngân hàng Nhà nước.

Việc kiểm kê, đánh giá lại tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại giá trị tài sản được hạch toán tăng hoặc giảm vốn pháp định.

4. Chuyển giao, thanh lý, nhượng bán tài sản của Ngân hàng Nhà nước được thực hiện như sau:

4.1. Việc chuyển giao tài sản Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản Nhà nước và các quy định khác có liên quan.

4.2. Việc thanh lý, nhượng bán tài sản phục vụ nhu cầu công tác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định. Quy trình thanh lý, nhượng bán thực hiện theo quy định của pháp luật.

4.3. Số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản được hạch toán vào thu nhập. Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản, giá trị còn lại của tài sản được hạch toán vào chi phí của Ngân hàng Nhà nước.

5. Tổn thất tài sản tại Ngân hàng Nhà nước phải được Hội đồng kiểm tra tổn thất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thành lập xác định. Hội đồng lập biên bản xác định rõ nguyên nhân, mức độ tổn thất và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét quyết định xử lý theo nguyên tắc:

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì người gây ra phải chịu trách nhiệm bồi thường.
- Đối với những tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.
- Tổn thất còn lại (sau khi trừ khoản bồi thường của người gây ra và tiền đền bù của tổ chức bảo hiểm) được hạch toán vào chi phí.
- Các trường hợp tổn thất tài sản vì lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa... Ngân hàng Nhà nước báo cáo cụ thể về mức độ tổn thất và đề xuất phương án để Bộ Tài chính xem xét, giải quyết theo thẩm quyền, trong trường hợp vượt quá thẩm quyền, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Mọi trường hợp tổn thất, thừa thiếu tài sản phải làm rõ nguyên nhân, xác định trách nhiệm, xử lý bù đắp tổn thất và phải được hạch toán và báo cáo đầy đủ trong báo cáo tài chính năm.

1966083  
Tel: +84-8-38456684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
LawSOS



6. Việc xóa nợ gốc cho vay của Ngân hàng Nhà nước đối với các khách hàng thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của liên Bộ Tài chính - Ngân hàng Nhà nước.

7. Vốn và tài sản Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước được kiểm kê tại thời điểm cuối ngày 31/12 hàng năm. Số chênh lệch về hiện vật và giá trị qua kiểm kê được xử lý theo quy định của pháp luật.

## **II. QUẢN LÝ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ**

### **A. Nguyên tắc chung:**

- Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hạch toán đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản thu nhập và chi phí theo đúng quy định của pháp luật về kế toán.

- Các khoản thu, chi của Ngân hàng Nhà nước được hạch toán theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Các khoản thu, chi bằng ngoại tệ, bằng vàng phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá quy đổi do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để hạch toán vào các tài khoản thu nhập - chi phí.

- Các khoản thu, chi đều phải có hóa đơn hoặc chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá ngoại tệ thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán.

- Việc giảm, miễn thu, thoái thu các khoản thu lãi của Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và phải được thống kê đầy đủ trong báo cáo quyết toán tài chính.

### **B. Nội dung thu chi tài chính:**

#### **1. Quản lý thu nhập:**

1.1. Thu nhập của Ngân hàng Nhà nước là toàn bộ các khoản phải thu từ hoạt động của Ngân hàng Nhà nước, gồm:

a) Thu về nghiệp vụ tiền gửi, cấp tín dụng và đầu tư, gồm:

+ Thu lãi cho vay,

+ Thu lãi tiền gửi,

+ Thu về đầu tư chứng khoán,

+ Thu khác về hoạt động tín dụng

b) Thu về nghiệp vụ thị trường mở: bao gồm các khoản thu từ nghiệp vụ mua bán ngắn hạn (dưới 1 năm) các giấy tờ có giá theo quy định (tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các loại giấy tờ có giá khác) trên thị trường tiền tệ.

c) Thu về nghiệp vụ mua, bán và giao dịch ngoại hối (ngoại tệ và vàng) theo quy định.

d) Thu về dịch vụ thanh toán, thông tin, ngân quỹ và các khoản thu dịch vụ ngân hàng khác.

e) Thu về chênh lệch tỷ giá theo quy định của chuẩn mực kế toán.

f) Thu phí và lệ phí. Đối với các khoản phí, lệ phí thuộc Ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

g) Các khoản thu khác.

+ Các khoản thu trong hoạt động ngân hàng: thu thừa quỹ; tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế; thu về thanh lý công cụ lao động và vật rẻ tiền mau hỏng; thu nợ đã xóa nay thu hồi được; thu về xuất bản tập san, tài liệu, báo chí....

+ Thu về tiêu hủy tiền.

+ Thu từ việc nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

+ Các khoản thu khác.

## 1.2. Nguyên tắc xác định thu nhập:

a) Các khoản thu từ hoạt động tiền gửi, cấp tín dụng và đầu tư là số lãi phải thu trong kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Ngân hàng Nhà nước hạch toán vào thu nhập số lãi phải thu trong kỳ của các khoản tiền gửi, đầu tư và của các khoản cho vay trong hạn.

- Đối với số lãi phải thu của các khoản cho vay quá hạn không phải hạch toán thu nhập, Ngân hàng Nhà nước theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

- Đối với số lãi phải thu của các khoản cho vay trong hạn đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ thanh toán khách hàng không trả được đúng hạn (hoặc chưa đến kỳ thanh toán lãi nhưng khoản cho vay tương ứng bị chuyển quá hạn) Ngân hàng Nhà



nước hạch toán vào chi phí và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu, khi thu được thì hạch toán vào thu nhập.

b) Đối với thu nhập từ hoạt động còn lại: Thu nhập là toàn bộ số tiền cung ứng dịch vụ, bán hàng hóa được khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền.

## 2. Quản lý chi phí:

Chi phí của Ngân hàng Nhà nước là toàn bộ số phải chi phát sinh trong kỳ để duy trì hoạt động của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 07/2006/NĐ-CP ngày 10/01/2006 của Chính phủ. Một số khoản chi của Ngân hàng Nhà nước được hướng dẫn thực hiện như sau:

2.1. Chi hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng, gồm:

2.1.1. Chi trả lãi tiền gửi, trả lãi tiền vay, chi về nghiệp vụ ngoại hối (ngoại tệ và vàng); Chi về nghiệp vụ thị trường mở.

2.1.2. Chi in, đúc, bảo quản, vận chuyển, giao nhận, phát hành, thu hồi thay thế, tiêu hủy tiền và các giấy tờ có giá.

Các khoản chi này được thực hiện như sau:

a) Các khoản chi về vẽ mẫu tiền, chế bản mẫu tiền và chi đặc biệt phục vụ cho nhiệm vụ chiến lược của Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

b) Chi phí in, đúc tiền:

- Đơn giá sản phẩm in tiền do Liên Bộ Tài chính - Ngân hàng Nhà nước duyệt cho từng năm.

- Chi phí in, đúc tiền được hạch toán vào chi phí của Ngân hàng Nhà nước hàng năm phù hợp với lượng tiền mới đưa ra lưu thông.

c) Chi bảo vệ tiền: Bao gồm chi phụ cấp theo chế độ quy định cho lực lượng canh gác, bảo vệ kho, áp tải tiền, vàng bạc, đá quý, các phương tiện thanh toán thay tiền; các khoản chi khác cho công tác bảo vệ tiền.

Mức chi cho công tác bảo vệ tiền trong năm do Ngân hàng Nhà nước xây dựng và thuyết minh trong kế hoạch tài chính năm.

d) Chi vận chuyển, bốc xếp: Gồm các khoản chi:

- Chi xăng dầu cho phương tiện vận chuyển.

- Chi thuê phương tiện vận chuyển được thanh toán theo hợp đồng ký kết với bên cung cấp dịch vụ.

- Chi bốc xếp tại cảng, nhà ga, sân bay... theo hợp đồng ký kết với bên cung cấp dịch vụ. Mức chi vượt định mức bốc xếp hàng ra vào kho tiền do Ngân hàng Nhà nước quy định được Bộ Tài chính chấp thuận.

e) Chi về vật liệu kiểm đếm tiền, phân loại, đóng gói tiền: được chi và quyết toán giá trị vật liệu thực xuất dùng trong năm (bao bì, dây buộc, keo dán...).

f) Chi tiêu hủy tiền: Các định mức chi cho công tác tiêu hủy tiền như chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia công tác tiêu hủy, chi vật liệu cho công tác tiêu hủy... do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định. Riêng mức chi bồi dưỡng cho cán bộ tham gia tiêu hủy tiền phải có sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

2.1.3. Các khoản chi về dịch vụ thanh toán và thông tin.

2.1.4. Chi về chênh lệch tỷ giá theo quy định của chuẩn mực kế toán.

2.1.5. Các khoản chi khác về hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ ngân hàng.

2.2. Các khoản chi thực hiện theo cơ chế khoán, gồm:

2.2.1. Các khoản chi cho cán bộ, công chức Ngân hàng Nhà nước, nhân viên hợp đồng, gồm:

- Chi lương, phụ cấp lương theo chế độ

- Chi tiền công cho nhân viên hợp đồng theo quy định

- Chi ăn trưa cho cán bộ, công chức, viên chức có mặt làm việc trong năm bao gồm cả các cán bộ chuyên trách công tác đoàn thể tại Ngân hàng Nhà nước. Mức chi hàng tháng cho mỗi cán bộ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định nhưng không vượt quá mức lương tối thiểu quy định đối với công chức Nhà nước.

- Chi trang phục giao dịch: Mức chi trang phục hàng năm cho cán bộ, công chức và nhân viên của Ngân hàng Nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/năm.

- Chi phương tiện bảo hộ lao động áp dụng đối với các đối tượng được trang cấp bảo hộ lao động theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

- Chi khen thưởng, phúc lợi định kỳ và đột xuất cho cán bộ, công chức và nhân viên của Ngân hàng Nhà nước; mức chi 2 khoản này hàng năm bằng tổng quỹ lương thực hiện trong năm. Các khoản chi khen thưởng bao gồm:



+ Chi khen thưởng theo chế độ Nhà nước quy định.

+ Chi khen thưởng định kỳ và đột xuất theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2.2.2. Chi các khoản đóng góp theo lương: kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, các khoản đóng góp khác theo chế độ quy định.

2.2.3. Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng, các đoàn thể của cơ quan theo quy định của pháp luật (không bao gồm các khoản chi ủng hộ công đoàn ngành, địa phương, các tổ chức xã hội và các cơ quan khác).

2.2.4. Chi trợ cấp khó khăn, trợ cấp thôi việc:

- Đối tượng chi thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Mức chi gồm mức chi theo quy định của pháp luật và mức bổ sung từ nguồn kinh phí khoán.

2.2.5. Chi cho hoạt động quản lý và công vụ bao gồm:

a) Chi về vật tư văn phòng.

b) Chi về cước phí bưu điện và truyền tin:

Là các khoản chi về bưu phí, truyền tin, điện báo, thuê kênh truyền tin, telex, fax... trả theo hóa đơn của cơ quan bưu điện.

Việc chi trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động của các đối tượng thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Chi điện, nước, y tế, vệ sinh cơ quan.

d) Chi xăng dầu: Chi mua xăng dầu vận chuyển phục vụ cán bộ, công chức và nhân viên của Ngân hàng Nhà nước đi công tác và cán bộ lãnh đạo đi làm việc theo chế độ Nhà nước quy định.

e) Công tác phí:

Chi công tác phí cho cán bộ, công chức, viên chức đi công tác trong và ngoài nước thanh toán theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

f) Chi lễ tân, khánh tiết hội nghị:

Gồm các khoản chi tổ chức hội nghị, tiếp khách quốc tế, trong nước; các khoản chi để tổ chức các buổi họp mặt nhân các ngày kỷ niệm lớn.

Các khoản chi này thực hiện theo chế độ quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

- g). Chi cho việc thanh tra, kiểm toán Ngân hàng Nhà nước theo chế độ quy định.
- h) Chi về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và chi nghiên cứu khoa học công nghệ gồm:
- Chi tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ, vi tính, ngoại ngữ ngắn hạn cho cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước.
  - Chi mua tài liệu, in ấn, biên dịch tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ, nghiên cứu.
  - Chi tổ chức các cuộc hội thảo khoa học.
  - Chi nghiên cứu đề tài khoa học.
  - Chi nghiên cứu, xây dựng văn bản pháp luật theo quy định.
  - Chi triển khai, ứng dụng khoa học công nghệ ngân hàng.
  - Các khoản chi khác về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và chi nghiên cứu khoa học công nghệ.

Chi cho công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ ngân hàng và chi nghiên cứu khoa học, công nghệ thực hiện căn cứ vào kế hoạch đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định và duyệt dự toán. Việc chi tiêu thực hiện theo chế độ Nhà nước quy định.

i) Chi cho các sáng kiến cải tiến, kỹ thuật.

k) Chi tài liệu, sách báo, tạp chí, tuyên truyền, quảng cáo, gồm:

- Chi xuất bản các tạp chí, báo, bản tin và tài liệu nghiệp vụ
- + Chi nhuận bút cho người viết bài áp dụng theo quy định chung.
- + Chi thuê in thanh toán theo hợp đồng với cơ sở in.

Kế hoạch xuất bản tạp chí, báo, bản tin và tài liệu nghiệp vụ ngân hàng phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước duyệt và lập dự toán trong kế hoạch tài chính năm.

- Chi mua sách báo, tài liệu nghiên cứu.
- Chi tuyên truyền, quảng cáo. Chi về quảng cáo căn cứ vào hợp đồng quảng cáo giữa bên nhận quảng cáo và Ngân hàng Nhà nước.



2.2.6. Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản: là số thực chi trong năm cho mục tiêu này. Chi phí cho công tác sửa chữa, bảo dưỡng tài sản hoàn thành không được hạch toán tăng giá trị tài sản.

2.2.7. Chi mua sắm công cụ lao động

2.2.8. Chi thuê tài sản:

Chi phí tiền thuê tài sản được hạch toán vào chi phí theo số tiền phải trả trong năm căn cứ vào hợp đồng thuê. Trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí theo số năm sử dụng tài sản.

2.2.9. Các khoản chi khác: gồm các khoản chi phát sinh trong quá trình hoạt động, không nằm trong các quy định nêu trên, gồm các khoản chủ yếu sau:

- Chi nhượng bán, thanh lý tài sản
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, nhượng bán
- Chi cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa.
- Khoản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng các nguồn quy định tại điểm 5 mục I chương II Thông tư này.
- Chi bảo quản hồ sơ, chứng từ, sổ kế toán và tài liệu.
- Chi nộp thuế, lệ phí (trừ các khoản thuế, phí khi mua sắm tài sản cố định phải hạch toán vào giá trị tài sản cố định theo quy định của pháp luật).
- Chi về bảo hiểm tài sản.
- Chi bồi dưỡng quyết toán năm do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định về đối tượng và mức chi bồi dưỡng.
- Chi cho các cán bộ trực tiếp và gián tiếp tham gia vào việc đưa hợp đồng quảng cáo về Thời báo ngân hàng và Tạp chí ngân hàng. Mức chi tối đa không vượt quá mức 40% giá trị của hợp đồng quảng cáo.
- Các khoản chi khác theo thực tế phát sinh và có chứng từ hợp lệ.

2.3. Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân của các ngành có đóng góp xuất sắc cho ngân hàng theo quy định của pháp luật; mức chi tối đa bằng 1 tháng lương thực hiện bình quân trong năm. Đối tượng, hình thức khen và mức chi cụ thể do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2.4. Chi khen thưởng đấu thầu tín phiếu kho bạc và trái phiếu Chính phủ theo quy định.

2.5. Chi trích khấu hao tài sản cố định

Việc trích khấu hao tài sản cố định của Ngân hàng Nhà nước được áp dụng theo quy định của Bộ Tài chính đối với các doanh nghiệp.

2.6. Chi đầu tư phát triển kỹ thuật nghiệp vụ và công nghệ ngân hàng: Ngân hàng Nhà nước được hạch toán vào chi phí bằng 12% giá trị tài sản cố định bình quân trong năm.

2.7. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.8. Chi trích lập dự phòng rủi ro: Hàng năm, Ngân hàng Nhà nước được trích lập khoản dự phòng rủi ro từ chi phí bằng 10% tổng thu trừ đi các khoản chi chưa bao gồm khoản chi dự phòng rủi ro.

Khoản dự phòng rủi ro được sử dụng theo quy chế do Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành. Khoản dự phòng rủi ro không sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau sử dụng tiếp. Trường hợp khoản dự phòng không đủ bù đắp các khoản tổn thất, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý phần còn thiếu.

3. Các khoản chi cho đấu thầu tín phiếu kho bạc và trái phiếu Chính phủ, trừ khoản chi khen thưởng quy định tại điểm 2.4, phần B, mục II, chương II Thông tư này, được thực hiện như sau:

- Ngân hàng Nhà nước xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản cố định cần thiết để đảm bảo thực hiện tốt công tác đấu thầu tín phiếu kho bạc và trái phiếu Chính phủ. Ngân hàng Nhà nước sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định để đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ công tác đấu thầu tín phiếu kho bạc và trái phiếu Chính phủ.

- Các khoản chi khác phục vụ cho công tác đấu thầu tín phiếu kho bạc và trái phiếu Chính phủ được hạch toán vào các khoản chi tương ứng của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với tính chất và nội dung chi.

4. Các khoản chi từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp hoặc do các nguồn kinh phí khác đài thọ được hạch toán theo dõi riêng theo quy định của pháp luật.



5. Các khoản chi hạch toán trong chi phí Ngân hàng Nhà nước phải là các khoản chi có căn cứ hợp lệ, hợp pháp và theo đúng quy định của pháp luật. Ngân hàng Nhà nước không được hạch toán vào chi phí các khoản sau đây:

- Các khoản tiền phạt phải nộp Nhà nước hoặc phải trả cho khách hàng về những thiệt hại vật chất do nguyên nhân chủ quan Ngân hàng Nhà nước gây ra trong quá trình thực hiện nghiệp vụ ngân hàng.

- Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định. Các khoản chi cho xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng và trang thiết bị các tài sản phúc lợi như nhà ở, nhà nghỉ của cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước; các khoản chi cho các công trình phúc lợi khác.

- Các khoản chi ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác.

- Các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ.

### **C. Cơ chế khoán đối với Ngân hàng Nhà nước:**

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phương án khoán trong từng giai đoạn đối với Ngân hàng Nhà nước kể từ năm 2006 gồm các nội dung cơ bản sau:

- Xác định tổng mức chi cho các khoản chi được khoán theo quy định tại điểm 2.2, phần B, mục II, chương II của Thông tư này.

- Xác định tỷ lệ % được trích lập từ chênh lệch thu chi để bổ sung kinh phí khoán.

- Quy định cụ thể việc sử dụng kinh phí tiết kiệm từ mức khoán chi và kinh phí bổ sung từ chênh lệch thu chi.

2. Kinh phí tiết kiệm từ mức khoán chi và kinh phí bổ sung từ chênh lệch thu chi được sử dụng cho các mục đích sau:

- Chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức của hệ thống Ngân hàng Nhà nước. Mức chi tối đa do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trong phương án khoán.

- Trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập. Mức trích đảm bảo số dư của quỹ tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện. Quỹ dự phòng ổn định thu nhập được sử dụng trong trường hợp kinh phí tiết kiệm từ mức khoán chi và kinh phí bổ sung từ chênh lệch thu chi không đủ để đảm bảo ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức của hệ thống Ngân hàng Nhà nước. Tổng mức chi bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức hệ thống Ngân hàng Nhà nước hàng năm từ Quỹ này và từ nguồn kinh

phí tiết kiệm từ mức khoán chi, kinh phí bổ sung từ chênh lệch thu chi không vượt quá mức chi tối đa do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định trong phương án khoán.

- Chi trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Phần còn lại (nếu có) được chuyển sang năm sau sử dụng tiếp.

3. Trong thời gian thực hiện phương án khoán, khi Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, Ngân hàng Nhà nước phải tự trang trải các chi phí tăng thêm theo chế độ, chính sách mới.

4. Phương án khoán được xem xét điều chỉnh trong một số trường hợp do nguyên nhân khách quan dẫn đến nguồn kinh phí giao khoán không đủ để đảm bảo mức chi tối thiểu về tiền lương theo chế độ Nhà nước quy định và duy trì hoạt động bộ máy của hệ thống Ngân hàng Nhà nước, cụ thể:

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền,

- Thiên tai, dịch họa và các nguyên nhân khách quan khác.

### III. PHÂN PHỐI CHÊNH LỆCH THU CHI VÀ NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Kết thúc năm tài chính, Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào số thu nhập, chi phí phát sinh thực tế trong năm để xác định số bổ sung kinh phí khoán, phân phối và nộp ngân sách Nhà nước như sau:

1.1. Xác định chênh lệch thu, chi thực tế:

$$\begin{array}{l} \text{Chênh} \\ \text{lệch thu,} \\ \text{chi thực} \\ \text{tế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng thu} \\ \text{nhập} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Tổng các khoản chi nêu} \\ \text{tại điểm 2.1, 2.3, 2.4,} \\ \text{2.5, 2.6, 2.7 phần B mục} \\ \text{II Chương II thực tế phát} \\ \text{sinh trong năm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số chi phí được} \\ \text{khoán nêu tại} \\ \text{điểm 2.2 phần} \\ \text{B mục II} \\ \text{Chương II.} \end{array} \quad (1)$$

1.2. Xác định số bổ sung kinh phí khoán

$$\begin{array}{l} \text{Số bổ} \\ \text{sung kinh} \\ \text{phí khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch} \\ \text{thu, chi} \\ \text{thực tế} \end{array} \times \begin{array}{l} \% \text{ được trích từ} \\ \text{chênh lệch thu, chi để} \\ \text{bổ sung kinh phí khoán} \end{array} \quad (2)$$



1.3. Xác định chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước để phân phối và nộp Ngân sách Nhà nước:

$$\begin{array}{l} \text{Chênh lệch thu, chi} \\ \text{của Ngân hàng Nhà} \\ \text{nước} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch} \\ \text{thu, chi} \\ \text{thực tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số bỏ} \\ \text{sung kinh} \\ \text{phí khoán} \end{array} \quad (3)$$

2. Chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước được phân phối theo trình tự sau:

- Trích quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia bằng 10% chênh lệch thu chi.
- Phần chênh lệch còn lại nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và kịp thời toàn bộ số chênh lệch thu chi phải nộp theo quy định.

Hàng quý, Ngân hàng Nhà nước trích nộp ngân sách nhà nước theo hình thức tạm nộp bằng 70% chênh lệch thu chi tài chính thực tế của quý. Việc tạm nộp được thực hiện trong 10 ngày đầu của quý tiếp theo. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính đề nghị Ngân hàng Nhà nước tạm nộp ngân sách nhà nước cao hơn mức 70% số chênh lệch thu chi thực tế của quý trên cơ sở đảm bảo số tạm nộp trong năm không vượt quá chênh lệch thu chi phải nộp cả năm.

Kết thúc năm tài chính, trong thời gian 10 ngày kể từ khi báo cáo quyết toán tài chính năm được Thống đốc phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm nộp ngân sách nhà nước toàn bộ số chênh lệch thu chi tài chính phải nộp hàng năm theo số liệu quyết toán.

Số chênh lệch thu chi tài chính năm phải nộp ngân sách nhà nước của Ngân hàng Nhà nước sẽ được xác định chính thức theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Trường hợp số đã nộp cao hơn số phải nộp theo kết luận chính thức của Kiểm toán Nhà nước thì số chênh lệch nộp thừa sẽ được trừ vào số phải nộp của năm sau. Ngược lại, nếu số đã nộp thấp hơn số phải nộp theo kết luận chính thức của Kiểm toán Nhà nước thì Ngân hàng Nhà nước phải nộp số chênh lệch còn thiếu trong thời gian 10 ngày tiếp theo kể từ khi có kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

4. Trường hợp kết quả tài chính năm của Ngân hàng Nhà nước bị lỗ (thu nhập không đủ bù đắp chi phí) do thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tiền tệ - tín dụng - ngân hàng, Bộ Tài chính sẽ kiểm tra và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý.

## **IV. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ KẾ TOÁN, QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TRA TÀI CHÍNH**

1. Năm tài chính của Ngân hàng Nhà nước bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Kế hoạch tài chính:

a) Ngân hàng Nhà nước lập kế hoạch tài chính hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Kế hoạch tài chính của Ngân hàng Nhà nước bao gồm các bộ phận kế hoạch:

- Kế hoạch thu nhập - chi phí (kèm theo thuyết minh chi tiết về các mục thu - chi và các định mức chi tiêu cụ thể dự kiến cho năm kế hoạch).

- Kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định (kèm theo thuyết minh chi tiết về dự kiến xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định và cân đối các nguồn vốn).

- Kế hoạch biên chế - tiền lương - thu nhập.

b) Kế hoạch thu, chi tài chính của Ngân hàng Nhà nước được lập hàng năm, gửi Bộ Tài chính thẩm định và tổng hợp vào dự toán ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Hạch toán kế toán

- Ngân hàng Nhà nước thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ những quy định trong chế độ kế toán áp dụng cho Ngân hàng Nhà nước, gồm: những quy định pháp lý chung, chế độ chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, chế độ sổ kế toán, chế độ báo cáo tài chính...

4. Báo cáo tài chính

a) Ngân hàng Nhà nước thực hiện quyết toán tài chính và chấp hành đầy đủ các quy định về việc lập và gửi báo cáo tài chính cho Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và quy định cụ thể tại Thông tư này.

b) Báo cáo tài chính gửi Bộ Tài chính bao gồm:



- Báo cáo quý gửi Bộ Tài chính chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý, bao gồm:

- + Báo cáo thực hiện kế hoạch thu nhập - chi phí.
- + Thuyết minh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu nhập - chi phí.
- + Báo cáo tình hình biến động quỹ dự trữ ngoại hối Nhà nước, quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia và khoản dự phòng rủi ro.

- Báo cáo tài chính năm được gửi Bộ Tài chính chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm:

- + Bảng cân đối tài khoản kế toán năm và bảng cân đối kế toán.
- + Thực hiện kế hoạch thu nhập - chi phí năm.
- + Thuyết minh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thu nhập - chi phí năm và các kiến nghị xử lý về mặt tài chính.
- + Báo cáo tình hình biến động quỹ dự trữ ngoại hối Nhà nước, quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia và khoản dự phòng rủi ro.

Báo cáo tài chính năm của Ngân hàng Nhà nước phải được cơ quan Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận. Kết quả kiểm toán được báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Bộ Tài chính.

### 5. Kiểm tra tài chính:

Bộ Tài chính kiểm tra tài chính của Ngân hàng Nhà nước gồm:

- Kiểm tra tài chính định kỳ hoặc đột xuất.
- Kiểm tra theo từng chuyên đề theo yêu cầu của công tác quản lý tài chính.

Trong trường hợp xét thấy các vi phạm kỷ luật tài chính của Ngân hàng Nhà nước xảy ra ở nhiều chi nhánh, đơn vị trực thuộc, số liệu báo cáo tài chính chưa đủ tin cậy, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đề nghị Kiểm toán Nhà nước kiểm tra xác định lại số liệu báo cáo tài chính năm.

## Chương III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng từ năm tài chính 2006, thay thế các thông tư: Thông tư số 111/1999/TT-BTC

ngày 17/9/1999; Thông tư số 29/2002/TT-BTC ngày 26/3/2002; Thông tư số 117/2003/TT-BTC ngày 08/12/2003; Thông tư số 37/2004/TT-BTC ngày 26/4/2004; Thông tư số 108/2004/TT-BTC ngày 16/11/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị cơ sở tổ chức thực hiện chế độ tài chính theo đúng quy định tại Nghị định số 07/2006/NĐ-CP ngày 10/01/2006 của Chính phủ về chế độ tài chính Ngân hàng Nhà nước và nội dung hướng dẫn tại Thông tư này. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm gửi các văn bản hướng dẫn Thông tư này trong nội bộ ngành cho Bộ Tài chính để theo dõi thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Văn Tá**